

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN VĂN PHONG

NGHIÊN CỨU VĂN BIA TỈNH BẮC GIANG

Chuyên ngành: Hán Nôm

Mã số : 62 22 01 04

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

HÀ NỘI, 2016

Công trình được hoàn thành tại:

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Người hướng dẫn khoa học:

PGS. TS. NGUYỄN TÁ NHÍ

PGS.TS. NGUYỄN VĂN THỊNH

Phản biện 1: PGS.TS. HÀ VĂN MINH

Phản biện 2: PGS.TS. NGUYỄN HỮU SƠN

Phản biện 3: PGS.TS. TRẦN NHO THÌN

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp
Học viện tại: Học viện khoa học xã hội**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

DANH MỤC CÁC BÀI VIẾT
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. *Hệ thống văn bia văn miếu Bắc Ninh* (in trong *Thông báo Hán Nôm năm 1995*), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. *Bia lăng chúa Đồi tạo năm 1655 có nhắc tới Quốc hiệu Việt Nam* (in trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1999*), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. *Bia đá từ Vũ Khánh Thọ làng Lũ Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Hà Bắc* (in trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1999*), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. *Tìm hiểu về Hán Quận Công Thân Công Tài qua tư liệu diền dã vùng Bắc Giang* (in trong *Thông báo Hán Nôm năm 1997*), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. *Phát hiện sách đá ở mộ thân phụ Trạng nguyên Giáp Hải* (in trong *Thông báo Hán Nôm năm 1998*), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. *Phát hiện bia đá tạo năm 1651 có nhắc tới quốc hiệu Việt Nam* (in trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1999*), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. *Phát hiện bia đá thời Trần ở chùa Hang Tràm, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang* (in trong *Thông báo Hán Nôm năm 2000*), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. *Đôi nét về vấn đề bảo tồn, nghiên cứu di sản Hán Nôm các dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang* (in trong *Thông báo Hán Nôm năm 2001*), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. *Phát hiện văn bia thời Mạc ở chùa Diễn Khánh huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang* (in trong *Thông báo Hán Nôm năm 2001*), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. *Khen ai khéo tạc bia Nghè Nến*, TC Sông Thương, năm 2006)
11. *Bước đầu khảo sát văn bia Bắc Giang trước thế kỷ XVIII* (in trong *Thông báo Hán Nôm năm 2002*), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. *Văn bia Bắc Giang* (tập I, tuyển dịch văn bia Bắc Giang trước thế kỷ XVIII), Bản thảo lưu tại Sở KHCN Bắc Giang.
13. *Khảo cổ học về văn bia Bắc Giang trước thế kỷ XVIII* (In trong *Di sản văn hóa Bắc Giang, Khảo cổ học từ tiền sử đến lịch sử*), Bảo tàng tỉnh Bắc Giang.
14. *Quê hương, thân thế sự nghiệp Lộc Quận công Hoàng Công Phụ*, (in trong *Thông báo Hán Nôm năm 2008*), NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
15. *Di sản Hán Nôm tỉnh Bắc Giang - Hướng tiếp cận mới*, in trong *Hội nghị luận*

văn tập (Kỷ yếu hội thảo khoa học) do Khoa Ngữ văn Đông Á, Đại học Cao Hùng (Đài Loan) xuất bản.

- 16 *Văn bia chùa Vĩnh Nghiêm - Những trang sử đá về chốn tổ Trúc lâm qua các thời kỳ suy vi và phát triển*, In trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế chuyên đề bảo tồn Khai thác giá trị mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm, Bắc Giang do Đại học KHXH&NV Hà Nội - Sở VH&TT&DL Bắc Giang - Đại học Cao Hùng (Đài Loan) - Viện Nghiên cứu Phật học tại Hà Nội tổ chức.
- 17 *Khảo sát văn bản văn bia Tiên khảo Thái bảo Giáp phủ quân mộ chí*, Tạp chí Hán Nôm số 3/2015
- 18 *Mặt Quân công Vi Đức Thắng và dòng họ võ quan xứ Nghệ trên đất Bắc*, Tạp chí Khoa học xã hội & nhân văn Nghệ An, số năm 5/2015.
- 19 *Trạng nguyên Đào Sư Tích qua tư liệu điền dã tỉnh Bắc Giang*, Tạp chí Xưa & Nay.
- 20 *Kho “Mộc thư” chùa Vĩnh Nghiêm với giá trị văn hóa*, TCHN số 5/2005
- 21 *Tám bia đá thời Trần ở chùa Hang Tràm, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang*, TCHN số 1/2001
- 22 *Sưu tập mộc bản động Thiên Thai*, TCHN số 4/ 2014
- 23 *Xác Lộc hầu Phùng Đức Nhuận*, In trong kỷ yếu Hội thảo khoa học Danh nhân võ lược tỉnh Bắc Giang thế kỷ XV - XVIII, NXB Thông tấn, Hà Nội, 2013.
- 24 *Văn bia Bắc Giang thế kỷ XVIII - XIX* (Bản thảo tập I), lưu tại Sở KHCN tỉnh Bắc Giang, 2006.
- 25 *Tào Nham hầu Nguyễn Đức Hưng qua văn bia Hậu Thần bi ký* (In trong kỷ yếu Hội thảo khoa học Danh nhân võ lược tỉnh Bắc Ninh, do Viện Sử học và UBND tỉnh Bắc Ninh tổ chức năm 2014)
- 26 *Danh nhân khoa bảng Bắc Giang từng giữ chức Tế tửu, Tư nghiệp Quốc Tử giám Thăng Long thời Lê Mạc*, In trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học Tế tửu, Tư nghiệp Quốc Tử giám Thăng Long, do Viện Sử học và Trung tâm VH&KH Văn miếu Quốc Tử giám tổ chức năm 2015)

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bắc Giang là miền đất thuộc lộ Bắc Giang thời Lý - Trần, thời Lê - Mạc, miền thượng của trấn/xứ Kinh Bắc ngàn năm văn hiến. Trong lịch sử, Bắc Giang có vị trí chiến lược trọng yếu, được xem như miền đất “phên giậu” ở phía bắc kinh thành Thăng Long. Đây là miền đất cổ được khai phá từ lâu đời và có bề dày truyền thống lịch sử văn hóa. Trên mỗi làng quê Bắc Giang vẫn còn in đậm bóng dáng nhiều ngôi đình, ngôi chùa, ngôi đền, ngôi miếu, văn chỉ, từ chỉ hay các từ đường cổ kính của các dòng họ. Các di tích xưa kia được cư dân làng xã đứng ra hưng công xây dựng có sự đóng góp công sức, tiền của từ các tổ chức làng xã, phường hội, dòng họ hay những cá nhân có tiềm lực kinh tế nên được dân làng xã tri ân bằng việc khắc bia ghi lưu niệm, biểu dương lưu truyền cho muôn đời con cháu noi gương. Đó cũng là lý do ở các làng quê Bắc Giang có nhiều văn bia do tiền nhân để lại.

Văn bia là di sản tư liệu mang tính đặc thù và có vai trò, ý nghĩa đặc biệt đối với việc tìm hiểu, nghiên cứu đời sống xã hội của mỗi vùng quê đương đại. Vấn đề tìm hiểu nội dung mà khối tư liệu văn bia lưu lại là mối quan tâm của toàn xã hội, nhất là lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn. VBBG nằm trong tổng thể di sản văn bia Việt Nam nên vấn đề nghiên cứu VBBG là công việc hữu ích, thiết thực và cấp bách góp phần quan trọng vào công tác khai thác, bảo tồn, phát huy những giá trị tốt đẹp, quý báu của di sản văn hóa Việt Nam. Kết quả nghiên cứu VBBG cũng góp phần vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, đất nước trong thời kỳ đổi mới, hội nhập và phát triển.

Văn bia Bắc Giang (sau đây viết tắt là VBBG) là di sản văn hóa được các thế hệ cha ông tinh tạo, trao truyền cho thế hệ hôm nay và mai sau. Hiện tại, nhà nước chưa trực tiếp quản lý, văn bia/bia đá (từ đây gọi chung là văn bia) vẫn do nhân dân các làng xã sở hữu và bảo quản. Sự tồn tại hay không tồn tại của văn bia phụ thuộc hoàn toàn vào ý thức của người dân mỗi địa phương. Nơi nào ý thức cộng đồng được nâng cao thì văn bia được trân trọng giữ gìn. Ngược lại, có nơi văn bia vẫn bị lãng quên, tồn tại cùng sự thờ ơ vô tình của người dân sở tại. Ở một số làng xã tỉnh Bắc Giang vẫn còn tình trạng bia đá nằm vạ vật bên đường, bên cầu ao, mương máng... Sự vô tình của con người cùng khí hậu khắc nghiệt sẽ hủy hoại bia đá. Cho nên, vấn đề bảo tồn, nghiên cứu, khai thác phát huy giá trị của văn bia đã trở nên cấp thiết.

Với những nguồn thông tin tư liệu hiện có, chúng ta biết VBBG có tổng số 1452 văn bia, trong đó: 1278 văn bia đã được in rập, lưu thác bản tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (sau đây viết tắt là VNCHN) và 1296 văn bia hiện vật còn lưu tại các làng xã trong tỉnh. Vì có văn bia đã được in rập, sưu tầm thác bản nhưng không còn bia hiện vật. Ngược lại, có bia còn ở thực địa nhưng không có thác bản ở VNCHN và chúng tôi đã thống kê được 174 văn bia chưa làm thác bản.. Khung niên đại VBBG được xác định trong thời gian 560 năm (1387 - 1947) nhưng đa dạng về loại hình, bao hàm nội dung rất rộng, đề cập đến nhiều lĩnh vực, liên quan đến nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, nên từ lâu văn bia đã trở thành đề tài được nhiều nhà nghiên cứu khoa học xã hội nói chung, chuyên ngành Hán Nôm nói riêng quan tâm. Tuy nhiên, đến nay vẫn

chưa có tác giả nào đi sâu khai thác nghiên cứu VBBG thành một đề tài chuyên biệt. Thêm nữa, do nguồn tư liệu về thời kỳ trung - cận đại viết về vùng đất, các làng xã hay các danh nhân lịch sử Bắc Giang còn khan hiếm thì văn bia là nguồn tư liệu chân thực, phong phú có thể bổ khuyết, nhưng đến nay vẫn chưa có tác giả nào quan tâm nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện. Là người con của quê hương Bắc Giang, được đào tạo chuyên ngành Hán Nôm, có nhiều năm công tác tại địa phương và luôn đề tâm sưu tầm, tìm hiểu đến mảng tư liệu này nên tôi đã lựa chọn đề tài ***Nghiên cứu văn bia tỉnh Bắc Giang*** để thực hiện luận án tiến sĩ tại Học viện Khoa học xã hội Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1 Cơ sở lý thuyết

Luận án dựa trên quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong việc sưu tầm, bảo tồn, nghiên cứu, khai thác và phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Luận án đã vận dụng những tri thức khoa học về phương pháp nghiên cứu Ngữ văn Hán Nôm trên cơ sở các phương pháp chuyên sâu như Văn bản học, Bì ký học, Tị húy học và các phương pháp nghiên cứu liên ngành (Khảo cổ học, Nghệ thuật học, Văn hóa học...) để xử lý đề tài trong từng chương của luận án.

Tác giả luận án cũng tiếp thu, kế thừa tri thức và thành tựu nghiên cứu về văn bia của nhiều tác giả đi trước đã được công bố, xuất bản có liên quan đến đề tài luận án để sử dụng, so sánh, phân tích, đánh giá về trữ lượng, đặc điểm, nội dung phản ánh của VBBG.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp văn bản học*, phương pháp được sử dụng chính yếu trong việc mô tả, xác định niên đại làm cơ sở để đánh giá những đặc điểm về hình thức, nội dung VBBG;

- *Phương pháp thống kê*, được sử dụng khi tiến hành định lượng, phân loại, xác định tình hình phân bố văn bia và khi lập các bảng, biểu nhằm biểu thị khái quát một số vấn đề được đề cập trong luận án bằng các chỉ tiêu và con số thống kê. Tiếp đó, so sánh, đối chiếu, phân tích tổng hợp, rút ra những đặc điểm chính về hình thức, nội dung VBBG;

- *Phương pháp khảo sát điền dã*, được áp dụng khi sưu tầm văn bia ở các địa phương hay có sự nghi ngờ về mặt văn bản, chúng tôi sẽ tiến hành khảo sát điền dã để đối chiếu với văn bia hiện vật;

- *Phương pháp nghiên cứu liên ngành*, như: Khảo cổ học lịch sử, ngôn ngữ học, nghệ thuật học, dân tộc học... được sử dụng khi nghiên cứu, so sánh, đánh giá giá trị hình thức, nội dung VBBG một cách toàn diện nhất.

3. Đối tượng và phạm vi sử dụng tư liệu

3.1 Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của luận án là 1452 VBBG, trong đó có 1278 thạc bản VBBG hiện lưu trữ ở Kho thư tịch VNCHN cùng 1296 văn bia hiện vật còn lưu giữ trên các di tích LSVH ở tỉnh Bắc Giang.

3.2 Phạm vi sử dụng tư liệu:

Địa danh Bắc Giang ở đây được xác định là địa danh hành chính cấp tỉnh (t. Bắc Giang ngày nay) gồm có 01 thành phố và 9 huyện, đó là: TP. Bắc Giang, h. Hiệp

Hòa, h. Lạng Giang, h. Lục Nam, h. Lục Ngạn, h. Sơn Động, h. Tân Yên, h. Việt Yên, h. Yên Dũng và h. Yên Thế. Vì vậy, phạm vi của luận án là nghiên cứu tổng thể thác bản văn bia t. Bắc Giang tại VNCHN và cố sử dụng, tham khảo văn bia hiện vật trên địa bàn t. Bắc Giang khi văn bia đó thiếu vắng trong kho lưu trữ.

Luận án nghiên cứu VBBG gồm hệ thống các vấn đề như: Thống kê tổng hợp định lượng văn bia; tình hình phân bố, phân loại, đặc điểm, đặc trưng hình thức - nội dung văn bia; đánh giá trị văn bia ở một số phương diện, biên dịch một số văn bia đại diện hàm chứa nội dung đề cập đến nội dung nghiên cứu của luận án.

4. Những đóng góp mới của luận án

- Lần đầu tiên đi sâu tư liệu VBBG được tập hợp, thống kê, định lượng đầy đủ trên cơ sở hai nguồn tài liệu: văn bia hiện vật trên thực địa và văn bia lưu trữ ở dạng thác bản tại VNCHN. Kết quả thống kê, tổng hợp văn bia đã cung cấp thông tin, tư liệu để các ngành liên quan hoạch định phương án, kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị di sản VBBG trong thời gian tới.

- Toàn bộ nguồn thác bản VBBG lưu trữ tại VNCHN đã được Nghiên cứu sinh phân tích, đánh giá tổng hợp, phân loại theo các tiêu chí khoa học chuyên ngành Ngữ văn Hán Nôm trên ba tuyến: Thời gian (triều đại), không gian (cấp huyện, thành phố) và loại hình di tích. Đối với văn bia hiện vật trên thực địa được thống kê, định lượng phân loại chi tiết đến đơn vị cấp xã (phường, thị trấn).

- Luận án đi sâu tìm hiểu về hình thức, văn bản VBBG, qua đó rút ra những giá trị văn hóa, đặc điểm chung và riêng về hình thức cũng như các vấn đề liên quan tới quá trình tạo tác VBBG.

- Luận án cũng đã đi sâu nghiên cứu về quốc danh Việt Nam xuất hiện trên VBBG thời Lê Trung hưng (thế kỷ XVII, XVIII), về công tích của các văn thần, võ tướng với các làng xã Bắc Giang thời Trung đại, trong đó, những văn bia phản ánh những đóng góp của các Hoạn quan (quan Thái giám) thời Lê Trung hưng được xem như những di sản tư liệu đặc sắc trong kho tàng di sản Hán Nôm xứ Bắc.

- Trên cơ sở khai thác các giá trị nội dung, luận án đã đi sâu tìm hiểu một số hình thức sinh hoạt văn hóa, tôn giáo (Nho giáo, Phật giáo), tín ngưỡng truyền thống, đó là những di sản văn hóa tiêu biểu của miền đất Bắc Giang xưa và nay.

- Luận án cũng đã đề cập và cung cấp thêm tư liệu về lịch sử Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử được phản ánh qua văn bia trên các di tích lịch sử văn hóa ở sườn Tây Yên Tử thuộc địa phận t. Bắc Giang.

- NCS đã tuyển chọn phiên âm, dịch nghĩa, chú giải 30 VBBG đại diện cho các nhóm nội dung đưa vào phần Phụ lục để giới thiệu với độc giả. Những văn bia này lần đầu tiên được công bố, nên cũng có thể xem là một đóng góp mới có ý nghĩa của luận án.

5. Bố cục của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục bài viết của tác giả luận án, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung của luận án được chia làm 4 chương:

Chương 1: *Tổng quan về văn bia và tình hình sưu tầm, bảo tồn, nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án.*

Chương 2: *Đặc điểm văn bia tỉnh Bắc Giang.*

Chương 3: *Nghiên cứu một số nội dung lịch sử phản ánh qua VBBG.*

Chương 4: *Nghiên cứu một số nội dung văn hóa truyền thống phản ánh qua VBBG*

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ VĂN BIA VÀ TÌNH HÌNH SƯU TẦM NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Chương này, luận án trình bày khái quát về nguồn gốc hình thành văn bia và sự ảnh hưởng, du nhập của văn hóa khắc dựng văn bia Trung Quốc đến Việt Nam; Thành tựu nghiên cứu văn bia Việt Nam cũng như tình hình sưu tầm, bảo tồn, nghiên cứu VBBG. Trên cơ sở nắm bắt tình hình liên quan đến đề tài luận án chúng tôi sẽ bao quát, làm rõ một số vấn đề cần thiết khi nghiên cứu về VBBG mà các công trình, đề tài nghiên cứu của các tác giả đi trước chưa đề cập tới.

1.1 Khái quát về văn bia và văn bia Việt Nam

Trước năm 2012, giới nghiên cứu Hán Nôm trong và ngoài nước đều tạm chấp nhận sự ra đời của tấm bia *Đại Tùy Cửu Chân quận Bảo An đạo tràng chi bi văn* khắc ghi niên hiệu Đại Nghiệp thứ 14 (618) là văn bia có niên đại sớm nhất ở nước ta. Nhưng năm 2012, Lê Việt Nga - Nguyễn Phạm Bằng (Bảo tàng t. Bắc Ninh) đã công bố tấm bia *Xá lý thấp minh* có niên đại *Đại Tùy Nhân Thọ nguyên niên* [Năm Nhân Thọ thứ nhất (601) đời nhà Tùy]. Năm 2013, Nguyễn Phạm Bằng công bố phát hiện mới về tấm bia ở nghề thờ Đào Hoàng, th. Thanh Hoài, x. Thanh Khương, h. Thuận Thành, t. Bắc Ninh mang niên hiệu Kiến Hưng nhị niên (314). Như vậy, đến năm 2015, bia nghề thờ Đào Hoàng có niên đại sớm nhất từng phát hiện ở nước ta.

Đền thế kỷ X, thời Ngô, Đinh, Tiền Lê (939 - 1009) chúng ta đã phát hiện được các cột đá khắc kinh *Phật đình tôn thắng gia cú linh nghiệm Đà la ni* ở cổ đô Hoa Lư, t. Ninh Bình.

Văn bia Việt Nam có dấu hiệu phát triển cả về hình thức và nội dung từ thế kỷ XI (từ đây viết tắt là TK) về sau. *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, cho biết cả nước có 18 bia thời Lý (1010 - 1225), 44 bia thời Trần (1225 - 1400). Đến nay số lượng văn bia thời Lý - Trần đã có sự thay đổi, tăng nhập do có những phát hiện mới trong những năm gần đây.

TK XV, đến giữa TK XX, do nhà nước và các làng xã mở mang xây dựng nhiều công trình phục vụ sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng nên văn bia có cơ hội phát triển và để lại số lượng lớn hơn các triều đại trước. Đây là nguồn tư liệu phong phú, đa dạng cả về hình thức cũng như nội dung đang được giới chuyên môn quan tâm sưu tầm, nghiên cứu, khai thác để phục vụ đời sống xã hội.

1.2 Tình hình nghiên cứu văn bia Việt Nam

1.2.1 Các công trình nghiên cứu, xuất bản về văn bia Việt Nam.

NCS đã thống kê được 18 công trình nghiên cứu đã được công bố về văn bia: *Thơ văn Lý - Trần*, *Tuyển tập văn bia Hà Nội* tập I (1978), *Tuyển tập Văn bia Hà Tây* (1993), *Văn bia xứ Lạng* (1993), *Văn bia thời Mạc* (1996), *Văn bia Văn miếu Bắc Ninh* (2000), *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam (tập I) Từ Bắc thuộc đến thời Lý* (2002), *Tổng tập thác bản văn khắc Việt Nam* (2010), *Văn bia Quốc Tử giám Hà Nội* (2002), *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam (Trần triều*

1226 - 1400), *Văn miếu Quốc Tử giám* và 82 bia Tiến sĩ (2002), *Tư liệu Hán Nôm huyện Yên Phong* (2005), *Văn bia đề danh Tiến sĩ Việt Nam* (2006), *Di sản Hán Nôm Côn Sơn - Kiếp Bạc - Phượng Sơn* (2006), *Văn bia thời Lý*, *Văn bia chùa Phật thời Lý* (2010), *Tư liệu văn hiến Thăng long - Hà Nội* (2010), *Văn khắc Hán Nôm Thăng Long - Hà Nội* (2010), *Nghiên cứu văn bia Vĩnh Phúc* (2013).

Nghiên cứu, giới thuyết về văn bia và liên quan đến văn bia có một số công trình đã được xuất bản như: *Một số vấn đề về văn bản học Hán Nôm* (1983), *Nghiên cứu chữ hủ Việt Nam qua các triều đại* (1997), *Lịch sử triều Mạc qua thư tịch và văn bia* (2001), *Văn bia thời Lê xứ Kinh Bắc và sự phản ánh sinh hoạt làng xã* (2003), *Khảo sát giám định niên đại thạc bản văn bia* (2007), *Một số vấn đề về Văn bia Việt Nam* (2008), *Các thể văn chữ Hán Việt Nam* (2010), *Bi ký học và văn bản bi ký Hán Nôm Việt Nam* (2013)

Ngoài những công trình, chuyên luận cơ bản kể trên, văn bia còn là đối tượng được giới thiệu trên *Tạp chí nghiên cứu Hán Nôm*, kỷ yếu hội nghị *Thông báo Hán Nôm học*, *Những phát hiện mới về Khảo cổ học*, *Tạp chí Khảo cổ học*, ...

1.2.2 Các đề tài luận án, luận văn nghiên cứu văn bia Việt Nam

Với 12 luận án TS đã bao vệ thành công: *Sự hình thành và phát triển của văn bia Việt Nam và vị trí văn bia trong nền văn học cổ điển Việt Nam* (1990); *Văn bia Việt Nam nguồn sử liệu thời kỳ trung và cận đại* (1991), *Văn bia Kinh Bắc thời Lê xứ Kinh Bắc và sự phản ánh sinh hoạt làng xã* (1996) [154], *Văn bia thời Mạc và đóng góp của nó trong nghiên cứu lịch sử Việt Nam thế kỷ XVI*, *Nghiên cứu văn bia khuyến học Việt Nam*, *Nghiên cứu văn bia Hải Phòng*, *Nghiên cứu văn bia chữ Nôm*, *Nghiên cứu văn bia tỉnh Ninh Bình*, *Nghiên cứu văn bia Hán Nôm tỉnh Quảng Nam*, *Nghiên cứu bia hậu Thần Việt Nam*, *Nghiên cứu văn bia Thừa Thiên Huế*.

04 luận văn Thạc sĩ: *Văn bia đình làng Bắc bộ thế kỷ XVII*, *Nghiên cứu văn bia chợ*, *Nghiên cứu văn bia chữ Nôm*, *Tìm hiểu bia hậu thời Tây Sơn ...*

Hầu hết các công trình nghiên cứu về văn bia được thực hiện những năm cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI là những đề tài mang tính tổng quát, quy mô, phạm vi, đối tượng nghiên cứu tổng thể văn bia ở hầu khắp các địa phương trong cả nước. Các tác giả đã đưa ra những kiến giải, nhận định sâu sắc làm rõ những đặc điểm của văn bia, những vấn đề về văn bản học, giá trị đặc sắc của nội dung văn bia trên nhiều lĩnh vực: Lịch sử văn hóa, kinh tế, chính trị, ngôn ngữ, tôn giáo tín ngưỡng và hình thức nghệ thuật của văn bia Việt Nam.

1.3 Tình hình sưu tầm, bảo tồn nghiên cứu VBBG.

Số lượng VBBG được tổng hợp trên hai nguồn: văn bia hiện vật tại địa phương và thạc bản VBBG lưu trữ tại VNCHN.

Trong tổng số 229 xã (phường, thị trấn) có 155 xã xuất hiện văn bia (chiếm 67,7%) và 74 xã không có văn bia (chiếm gần 32,3%). Đa số những xã có văn bia thuộc vùng đồng bằng, vùng trung du hoặc núi thấp. Văn bia tập trung nhiều ở h. Việt Yên, h. Hiệp Hòa, h. Lục Nam, h. Yên Dũng, TP. Bắc Giang. Đây là những miền đất có lịch sử văn hóa lâu đời, kết cấu tổ chức làng xã bền vững, hệ thống các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng và các công trình phúc lợi hoàn thiện, đặc biệt hơn đó là những miền đất giàu truyền

thống hiếu học lại có tiềm năng về kinh tế... Các huyện Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Thế vẫn bia xuất hiện ít hơn.

Văn bia thời Trần, Lê Sơ, Mạc có số lượng ít. Văn bia thời Lê Trung hưng có số lượng nhiều nhất (539/1452 (37,12%) sau đến văn bia thời Nguyễn 488/1452 (33,6%), văn bia thời Tây Sơn có 32/1452 (2,2%). Những văn bia không ghi niên đại là 184/1452 (12,6%). Văn bia có lạc khoản chỉ ghi năm theo lịch can chi có 31/1278 (2,1%). Số văn bia chưa làm thác bản 1174/1452 (12 %).

VBBG phần nhiều là bia chùa, bia đình, hai công trình kiến trúc phục vụ sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng phổ biến của cộng đồng làng xã trên địa bàn. Các loại di tích khác như: văn chỉ, từ chỉ, từ vũ, cầu, chợ, đền, miếu...có số lượng ít hơn. Trong số văn bia đình, chùa thì bia hậu Thần, hậu Phật, gửi giỗ... chiếm ưu thế; bia thực lục, lịch sử, sự tích... có số lượng rất khiêm tốn.

1.3.2 Tình hình sưu tầm, bảo tồn di sản VBBG.

Văn bia là di sản tư liệu có khối lượng lớn nhất được E.F.E.O sưu tầm từ đầu TK XX. Hiện nay, VNCHN còn lưu giữ 567 thác bản VBBG do E.F.E.O để lại và bổ sung thêm 711 thác bản vào những năm gần đây..

Từ năm 1988 đến 2009, Bảo t. Hà Bắc/Bắc Giang đã sưu tầm được gần 300 đơn vị thác bản văn bia. Từ năm 2010 đến nay, Ban Quản lý di tích t. Bắc Giang đã sưu tầm, in rập với tổng số hơn 300 đơn vị thác bản và cơ bản đã được dịch thuật.

1.3.3 Tình tình nghiên cứu VBBG

VBBG được lược thuật giới thiệu trong sách *Địa chí Bắc Giang*, tập 3 “*Di sản Hán Nôm*” (2003) và được đề cập lẻ tẻ trong các công trình nghiên cứu như: *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, *Văn bia thời Mạc*, *Văn bia thời Lê xứ Kinh Bắc và sự phản ánh sinh hoạt làng xã*, *Chốn tổ Vĩnh Nghiêm*, *Văn hóa truyền thống h. Yên Dũng*... và một số bài nghiên cứu đăng trên một số tạp chí chuyên ngành.

Tiểu kết chương 1:

VBBG có khối lượng khá lớn và cơ bản đã được sưu tầm, in rập thành thác bản lưu trữ tại VNCHN, số ít chưa được in rập vẫn còn nằm rải rác ở các làng xã trong tỉnh. Trên cơ sở hai nguồn tư liệu ở kho bảo quản VNCHN với văn bia hiện vật trên thực địa Luận án đã tập hợp, thống kê tương đối đầy đủ VBBG với 1452 đơn vị văn bia, trong đó: 1296 văn bia hiện vật ở các làng xã trong tỉnh và 1278 thác bản lưu trữ tại VNCHN. Khối lượng văn bia này là nguồn tư liệu rất phong phú để chúng tôi thực hiện đề tài luận án.

Nội dung VBBG cũng đa dạng, phản ánh nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội thời trung đại và đã được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Đến nay, đã có nhiều tác giả khai thác VBBG để thực hiện các công trình khoa học, các đề tài luận án, luận văn, các chuyên khảo chuyên sâu trên từng lĩnh vực và đã đạt được những thành tựu đáng trân trọng và đóng góp cho khoa học những tri thức mới về hệ thống xã hội sau kế thừa, khai thác, phát huy giá trị, ứng dụng vào thực tiễn đời sống xã hội. Tuy nhiên, chưa có tác giả nào giành tâm huyết nghiên cứu tổng thể về văn bia hay chuyên sâu một lĩnh vực nào đó được phản ánh qua VBBG. Các công trình nghiên cứu đã công bố cũng như các luận án, luận văn mới khai thác số lượng rất ít ỏi VBBG ở những mảng nội dung nhất định.

Trên các tạp chí, kỷ yếu hội nghị chuyên ngành chỉ xuất hiện những bài viết lẻ tẻ giới thiệu những văn bia mới phát hiện và dừng lại ở mức độ giới thiệu nguồn tư liệu mà chưa có công trình nào chuyên khảo về VBBG.

Ở địa phương, văn bia đã nhận được sự quan tâm đầu tư cho công tác bảo tồn của ngành văn hóa địa phương. Bản thân NCS cũng có đóng góp nhất định trong việc bảo tồn, nghiên cứu, giới thiệu VBBG. Là người con của quê hương Bắc Giang, từ thời thơ ấu đã được tiếp xúc với văn bia, khi trưởng thành được đào tạo chuyên ngành Hán Nôm, ra trường công tác hơn hai mươi năm trong ngành văn hóa địa phương, đã được tiếp xúc trực tiếp hàng nghìn văn bia trong tỉnh, khối tư liệu đặc biệt này đã cuốn hút NCS từ lâu nên khi được cử đi học tại khoa Hán Nôm, Học viện KHXH (Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam), NCS đã chọn khối tư liệu văn bia ở địa phương làm đề tài luận án Tiến sĩ. Những mong được đóng góp thêm phần nhỏ bé của mình cho khoa học chuyên ngành Hán Nôm và cho sự nghiệp bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa của quê hương.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM VĂN BIA TỈNH BẮC GIANG

VBBG là di sản tư liệu được hình thành từ nhu cầu nội tại của các làng xã thời trung đại. Đó là những sản phẩm trí tuệ và sự tài nghệ của những trí thức Nho học, Phật học, những người có hoa tay viết chữ đẹp và những người thợ đá khéo tay giỏi nghề tạo ra. Mỗi một văn bia đều được xem như một tác phẩm văn học nghệ thuật phản ánh tư tưởng, tình cảm, trình độ thẩm mỹ của những người trực tiếp tạo tác và cộng đồng làng xã đương đại. Vì vậy, chương này, chúng tôi giới thiệu khái lược về địa lí hành chính Bắc Giang từ kỷ nguyên độc lập và truyền thống văn hóa t. Bắc Giang, bởi đó là môi trường cho sự xuất hiện và lưu giữ văn bia, trên cơ sở đó, chúng tôi đi sâu trình bày một số đặc điểm hình thức nghệ thuật và văn bản VBBG.

2.1 Địa lý hành chính và truyền thống văn hóa.

2.1.1 Địa lí hành chính

Miền đất Bắc Giang từ lâu đã gắn bó chặt chẽ với văn hóa vùng Kinh Bắc. Năm 1997, t. Bắc Giang được tái thành lập trên cơ sở tách t. Hà Bắc thành hai t. Bắc Giang và Bắc Ninh. T. Bắc Giang hiện nay có 10 huyện, TP, đó là: TP. Bắc Giang, h. Hiệp Hòa, h. Lạng Giang, h. Lục Nam, h. Lục Ngạn, h. Sơn Động, h. Tân Yên, h. Việt Yên, h. Yên Dũng và h. Yên Thế.

2.1.2 Truyền thống văn hóa

Trên địa bàn có 2237 di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh. Thời phong kiến có 58 Nho sinh ưu tú đỗ đại khoa, hàng trăm vị đỗ trung khoa, hàng nghìn vị đỗ Sinh đồ, Tú tài ở các kỳ thi Nho học ... Truyền thống hiếu học, thượng võ, sùng đạo là những yếu tố địa văn hóa thuận lợi cho sự xuất hiện VBBG.

2.2 Đặc điểm hình thể, chất liệu, tác giả soạn khắc văn bia

2.2.1 Về hình thể, chất liệu tạo bia

* *Về hình thể*: Phổ biến nhất là bia dẹt (có 1 hoặc mặt), sau đó là *bia vuông tứ diện*, *bia tạo dáng cây hương* (hương đài), *bia lục diện*, *bia trụ tròn*... Đặc biệt, trên đất Bắc Giang còn phát hiện tám bia hộp ở ngôi mộ thân phụ Trạng nguyên Giáp Hải và có cả bia tạo tác bằng chất liệu gỗ.

* *Về chất liệu* có ba loại: Bia đá xanh (đá vôi), đá đỏ, đá cát kết, nhưng phổ biến và chiếm tỷ lệ nhiều là *bia đá xanh*.

2.2.2 Về tác giả soạn, khắc, viết chữ

* *Về tác giả soạn văn*: Trong số 1452 VBBG có 251 văn bia khắc tên người soạn văn (chiếm 17,2%). Thành phần tham gia biên soạn có số lượng cao nhất là các nhà khoa bảng, còn lại là các trí thức và quan chức địa phương như: Sinh đồ, Giám sinh, Phủ sinh, Nho sinh, Huấn đạo, Tri phủ, Tri huyện, Thị nội văn chức, Cậu kê, Chánh tổng, Lý trưởng và các nhà sư ...

* *Về tác giả viết chữ*: Có 266 bia lưu danh tính người viết chữ (18,3%). Thành phần tham gia viết chữ là các Giám sinh, Nho sinh, Thị nội thư, Sinh đồ, Phủ sinh, Tri huyện, Đề lại, các nhà sư, và các danh sĩ, hương lão địa phương ... và nhiều nhất vẫn là các vị làm quan Thị nội thư tả, Đề lại.

* Về tác giả chạm khắc bia: Có 55 văn bia khắc ghi tên, địa chỉ thợ khắc bia (3,7%). Xét về tỉ lệ thấy các tác giả chuyên nghiệp của nhà nước ở Ngọc Thạch cục và phường Kính Chủ chiếm ưu thế, sau đến thợ khắc đá ở các phường thợ khắc.

2.3 Nghệ thuật trang trí văn bia.

VBBG xuất hiện trong khoảng gần sáu thế kỷ nên kỹ thuật chế tác, nghệ thuật trang trí rất phong phú, đa dạng mang phong cách của nhiều thời kỳ, nhưng tiêu biểu nhất văn bia nghệ thuật trang trí bia thời Lê Trung hưng (TK XVII - XVIII).

2.4 Văn bản và văn tự trên bia

2.4.1. Về văn bản văn bia

Qua khảo sát trên các di tích, thấy có khoảng 70% VBBG còn nguyên vẹn. Khảo sát VBBG thì thấy có hàng chục tấm bia được khắc bổ sung. Hiện tượng khắc lại văn bia ít xuất hiện. Hiện tượng đục xóa nội dung và niên đại xảy ra trên một số văn bia thời Nguyễn và Lê Trung hưng.

2.4.2 Văn tự trong văn bia:

Chữ hủy sớm nhất được phát hiện trên bia thời Trần ở chùa Nham Nguyệt (th. Liễu Nham, x. Tân Liễu, h. Yên Dũng). Thời Lê sơ không thấy xuất hiện. Thời Mạc, Lê Trung hưng thực hiện khá triệt để lệnh kiêng húy trên VBBG, Bắc Giang có 03 văn bia chữ Nôm và nhiều văn bia có viết xen chữ Nôm để ghi tên người, tên lễ vật, tế khí, địa danh.

Tiểu kết chương II:

Bắc Giang là miền đất thuộc vùng văn hóa Kinh Bắc, một miền quê nổi danh văn hiến, hiếu học, thượng võ trong lịch sử, nơi hội tụ tinh hoa văn hóa của dân tộc, một trong những cái nôi của nền văn minh châu thổ Bắc Bộ, nên có nhiều điều kiện thuận lợi cho sự ra đời và phát triển văn bia Hán Nôm. VBBG có thể hình đa dạng như văn bia Việt Nam, nhưng ở góc độ nhất định cũng có nét đặc thù, đó là sự xuất hiện loại bia trụ tròn, dáng hình chuông khá độc đáo. Ngoài bia đá, chuông đồng, khánh đá, khánh đồng, biển gỗ như các miền quê khác, Bắc Giang còn có bia được tạo tác bằng chất liệu gỗ, bia hộp (sách đá) cũng rất hiếm gặp ở các địa phương khác.

Có 251 văn bia lưu danh người soạn văn, chiếm 17,2 % (251/1452) so với tổng số VBBG. Đội ngũ soạn giả văn bia rất đa dạng, nhưng các nhà khoa bảng (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa, Hoàng giáp, Tiên sĩ, Phó bảng) chiếm số lượng nhiều nhất, sau đến các nhà sư, các sinh đồ, giám sinh và quan lại địa phương. Số lượng văn bia thì lớn, mà số soạn giả lưu danh như vậy là khá khiêm nhường. Câu nói người đời vẫn lưu truyền “khôn văn tể, đại văn bia” đã phản ánh đúng sự việc này. Có lẽ, vì những soạn giả quá cần nhắc, thận trọng, ngại sợ người đời đàm tiếu nên đã thận trọng, hạn chế lưu danh trên văn bia. Chỉ có người có học rộng, tri thức uyên thâm mới đủ tự tin để khắc danh “cẩn soạn” trên bia đá. Tác giả viết chữ trên VBBG thống kê có 266 người, chiếm 18,3 % (266/1452), trong số đó có trên 30 thành phần tham gia, nhiều hơn vẫn là các quan chức làm công tác văn phòng từng thi đỗ Thụ toán hoa văn làm việc ở Thị nội thư tả thuộc bộ Công thực hiện. Còn lại, khá nhiều bia do các Nho sinh, Giám sinh, Tú tài, Sinh đồ... ở các làng xã được mời viết chữ. Vùng Kinh Bắc/Bắc Giang rất hiếm phường thợ khắc đá, cho nên đa số VBBG do cơ quan chuyên môn của triều đình và các các phường

thợ xứ Đông, xứ Thanh thực hiện. Số văn bia đề danh cơ quan khắc thạch, phường, thợ khắc chỉ chiếm xuất hiện trên 55 văn bia, chiếm 3,8 % (55/1452). Trong đó, thợ đá ở Ngọc Thạch cục và thợ đá phường Kính Chủ (Kính Môn, Hải Dương) chiếm ưu thế.

Cũng như văn bia Việt Nam, đồ án trang trí trên VBBG rất phong phú, phản ánh tư tưởng, tình cảm, phong cách thẩm mỹ của xã hội ở từng thời kỳ lịch sử khác nhau. Nhiều VBBG được đầu tư công sức, trí tuệ, sự tài khéo của người nghệ nhân khắc đá xứng đáng được tôn vinh là những tác phẩm điêu khắc đá nghệ thuật mẫu mực, xuất sắc.

Hầu hết VBBG được viết bằng chữ Hán, số ít chữ Nôm. Hiện tượng kiêng húy cũng xuất hiện trên VBBG từ văn bia thời Trần (TK XIV) cho đến hết thời Nguyễn (năm 1945), nhưng xuất hiện tần xuất dày hơn, triệt để hơn hay gặp ở văn bia thời Lê Trung hưng. Đa số văn bản VBBG còn giữ được đầy đủ nội dung, có địa chỉ rõ ràng và ít bị sửa chữa, làm giả hay đục xóa nên tư liệu phản ánh trong văn bia có độ xác tín cao.

CHƯƠNG 3

NGHIÊN CỨU GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA VĂN BIA TỈNH BẮC GIANG

Văn bia Bắc Giang phản ánh nhiều thông tin có giá trị về lịch sử quê hương, đất nước trên nhiều lĩnh vực khác nhau, nhưng do quy định về dung lượng Luận án, nên trong chương này, chúng tôi chỉ trình bày một số giá trị lịch sử tiêu biểu được phản ánh qua VBBG. Đó là: ①. Góp phần tìm hiểu “danh xưng Việt Nam” và xác định một số địa danh hành chính trong lịch sử; ②. Phản ánh về các văn thần, võ tướng; ③. Phản ánh đóng góp của các hoạn quan, Thái giám với làng xã. Trong đó, ② là nội dung trọng điểm ...

3.1 Văn bia góp phần tìm hiểu “danh xưng Việt Nam” và một số địa danh hành chính trong lịch sử.

3.1.1 *Danh xưng Việt Nam trong thư tịch, bi ký thời Trung đại*

Ở t. Bắc Giang có 04 văn bia nhắc đến quốc danh Việt Nam và đều được soạn khắc trong khoảng thời gian giữa TK XVII. Đó là văn bia *Tu tạo tiền đường Diên Quang* tự dựng ở chợ chùa Diên Quang, xã th. Cẩm Bào, x. Xuân Cẩm, h. Hiệp Hoà. Bia do Nguyễn Hòa, thi đồ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân khoa Mậu Thìn (1628) soạn: “*Việt Nam đại quốc/ Kinh Bắc cựu cương/ Thuận An địa thắng/ Bắc Hà hình cường/ Gia Lâm giai cảnh/ Hiệp hòa danh hương/ Tình quang từ chủ/ Cẩm xuân lộng chương...*”; Văn bia *Diên Phúc tự tạo khai các sở lập bi* ở chùa Diên Phúc, th. Yên Viên, x. Vân Hà, h. Việt Yên tạo năm Khánh Đức thứ 3 (1651) cũng nhắc tới quốc danh “*Việt Nam*” ngay trong phần chính văn: “*Việt Nam tú khí, Kinh Bắc chân hình...*”; Bia *Hiển Khánh am bi* tạo năm Thịnh Đức 3 (1655), ở lăng Chùa Đồi th. Thái Thọ, x. Thái Sơn, h. Hiệp Hòa cũng được nhắc đến ở ngay đầu bài minh: “*Đệ nhất Việt Nam/Khả xưng Quê Trạo/Tú thủy triều tiên/ Kỳ sơn cùng hậu/ Địa mạch nhất linh/ Thiên ân quảng tạo/ Mỹ Ngộ tướng quan/ Tá Trịnh chủ hậu...*”

Trong số văn bia kê trên, xét về văn cảnh và ngữ nghĩa thì hai chữ Việt Nam mà các tác giả soạn văn viết ra rõ ràng định vị Việt Nam là danh xưng của đất nước.

3.1.2 *Góp phần xác định một số địa danh hành chính trong lịch sử.*

Đặc biệt, trường hợp th.Trung Đồng, nằm sâu trong phần đất x. Vân Trung, h. Việt Yên, xung quanh là các làng xã của tg. Quang Biểu, h. Yên Dũng xưa, cách th.Trượng Đồng (xưa cũng thuộc sở Đại Tảo, h. Yên Phong) x. Hòa Long, h. Yên Phong hàng chục cây số. Nhưng trong văn bia *Hậu Thân bi ký - Lập thạch bi ký* do Tiền sĩ khoa Mậu Thìn Vũ Miên soạn văn cho biết thời kỳ này Trung Đồng thuộc sở Đại Tảo, h. Yên Phong Đền văn bia *Vĩ lập bi ký*, tạo năm Thành Thái thứ 10 (1898) cho biết th. Trung Đồng thuộc sở Đại Tảo, tổng Hoàng Mai, h. Yên Dũng, ph. Lạng Giang chứ không thuộc h. Yên Phong, t. Bắc Ninh. Nội dung văn bia đã giúp chúng ta lý giải về những truyền thuyết dân gian về việc dân làng Trung Đồng (h. Việt Yên, t. Bắc Giang) và làng Thượng Đồng (x.Hòa Long, h. Yên Phong, t. Bắc Ninh) vốn có chung nguồn gốc sau hai làng kết chạ Quan họ với nhau. Cả hai làng cùng có miếu thờ Bà chúa tổ nghề hát Quan họ.

3.2 Văn bia phản ánh về các văn thần, võ tướng.

3.2.1 Văn thần, võ tướng Bắc Giang trong lịch sử.

Bắc Giang là miền thượng của xứ Kinh Bắc, miền đất sinh ra nhiều văn thần, võ tướng có nhiều đóng góp trong việc xây dựng và bảo vệ cương thổ đất nước. Lịch sử nước nhà ghi lại những mốc son của dân tộc Trong sách *Dur địa chí*, Nguyễn Trãi đã xem miền đất Bắc Giang là miền đất có vị trí trọng yếu của đất nước, như “phên giậu” phía bắc của kinh đô Thăng Long.

Về các văn thần, VBBG khắc ghi các nhà khoa bảng như *Đệ nhất giáp Nguyễn Viết Chất*, *Trạng nguyên Giáp Hải*, *Tiền sĩ Giáp Lễ*, *Tiền sĩ Hoàng Công Phụ*, *Tiền sĩ Thân Khuê*, *Tiền sĩ Trần Đăng Tuyển*, *Tiền sĩ Thân Toàn*, *Tiền sĩ Chu Danh Tề*, *Tiền sĩ Thân Hành*, *Tiền sĩ Trịnh Ngô Dụng*, *Đình nguyên Tiên sĩ Nguyễn Đình Tuân*... Có hàng trăm võ tướng được triều đình ban cho phẩm tước cao trọng. Qua chính sử và văn bia phản ánh còn thấy xuất hiện nhiều gia đình, dòng họ võ lược.

3.2.2 Di tích tôn thờ văn thần, võ tướng ở Bắc Giang.

Các di tích tôn thờ văn thần, võ tướng ở t. Bắc Giang chủ yếu phân bố ở TP. Bắc Giang, h. Hiệp Hòa, h. Việt Yên, h. Yên, Yên Dũng, h. Tân Yên và h. Lạng Giang. Các huyện miền núi như: Sơn Động, Yên Thế, Lục Nam, Lục Ngạn có số lượng rất ít.

3.2 VBBG góp phần tìm hiểu công tích các văn thần, võ tướng.

Có 231 vị văn thần, võ tướng, hoạn quan được phản ánh trong 184 VBBG, những danh nhân lịch sử đó chủ yếu ở giai đoạn TK XVI - XVIII, ngoài ra có 01 vị thời Tây Sơn, 02 vị thời Nguyễn. Trong số 231 vị được phản ánh qua VBBG, có rất ít người được ghi chép trong chính sử, vì vậy, văn bia là nguồn tư liệu chân xác bổ khuyết cho chính sử về những danh nhân lịch sử văn hóa Bắc Giang thời trung đại.

Các văn thần được phản ánh qua VBBG là các nhà khoa bảng như *Trạng nguyên Giáp Hải* (1507 - 1586), người x. Đình Kế, h. Phượng Sơn (sau đổi thành Phượng Nhãn), ph. Lạng Giang. *Tiền sĩ Hoàng Công Phụ* người x. Yên Ninh, t. Mật Ninh, h. Yên Dũng (nay là th. Yên Ninh, trr. Nèn, h. Việt Yên)... và một số danh nhân khác như: *Thám hoa Hoàng Sâm*, *Tiền sĩ Nguyễn Kính*, *Tiền sĩ Nguyễn Duy Năng*, *Tiền sĩ Trịnh Ngô Dụng*, *Đình nguyên Tiên sĩ Nguyễn Đình Tuân* ... hay các vị đỗ Hương cống, Cử nhân có ra làm quan giúp nước.

Văn bia về các văn thần thường dựng tại các văn chỉ, từ đường nên có ý nghĩa và tác động rất tốt về truyền thống “tôn sư trọng đạo”, khuyến khích việc học hành để theo đuổi cử nghiệp cho thế hệ sau.

Về các võ tướng, chúng tôi dựa theo hoàn cảnh xuất thân để phân chia võ tướng thành 3 thành phần: Võ tướng xuất thân từ con đường tiên cử, bảo cử, thế tập và tập ấm; võ tướng xuất thân từ hoạn quan nhưng chuyên theo nghiệp binh; xuất thân hoạn quan nhưng làm thị thần chuyên hầu hạ trong cung vua phủ chúa. Ba thành phần võ tướng kể trên ngoài những đóng góp tích cực cho triều đình, phủ liêu họ còn có những công tích rất lớn cho các làng xã. Nhiều di sản văn hóa là các công trình kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng, các công trình phúc lợi cộng đồng ở các làng xã Bắc Giang còn tồn tại đến ngày nay là nhờ tâm đức của họ. Có 184 VBBG liên quan đến văn thần, võ tướng. Hầu hết võ tướng được phản ánh qua VBBG xuất thân từ hoạn quan và thái giám (quan

hầu ở cung vua, phủ chúa) nhưng sau họ chú tâm theo con đường binh nghiệp và trở thành các võ tướng nổi tiếng như Hán Quận công Thân Công Tài, Khánh Quận công Hà Công Dung, Đĩnh Quận công Ngô Công Mỹ, Lân Quận công Lương Đăng Minh...

3.3 VBBG phản ánh về hoạn quan, thái giám.

Có 161 VBBG phản ánh về 126 viên hoạn quan, thái giám dưới thời Lê Trung hưng (TK XVI - XVIII). Các viên quan thái giám là thành phần đóng góp nhiều công của cho các làng xã Bắc Giang trong rất nhiều hoàn cảnh như: xây dựng, tu tạo đình chùa, cầu cống, đường sá, thuê khóa... Bởi họ là những viên quan được hưởng nhiều bổng lộc triều đình nên giàu có và có điều kiện kinh tế để củng cố tiền ruộng công đức cho làng xã xây dựng nhiều công trình phúc lợi và những việc làm có lợi ích cho cộng đồng. VBBG là nguồn tư liệu chính, rất phong phú để các nhà nghiên cứu khai thác, biên soạn nhiều tập sách giới thiệu về danh nhân lịch sử văn hóa địa phương.

Sự ra đời của hàng trăm ngôi chùa, ngôi đình, sinh từ, lăng mộ đá có quy mô kiến trúc đồ sộ nay đã là các di tích lịch sử văn hóa gắn liền với công lao của các quan thái giám. Nó được xem là hiện tượng văn hóa đặc thù ở xứ Bắc. Tính từ triều vua Hoảng Định (1601 - 1619) đến niên hiệu Cảnh Hưng (1740 - 1787) trải 11 đời vua và đặt/dùng 20 niên hiệu thì hầu hết các niên đại đều xuất hiện văn bia khắc ghi những đóng góp của quan thái giám cho việc xây dựng, tôn tạo các công trình kiến trúc của cộng đồng làng xã.

Văn bia đã phản ánh những đóng góp của các quan thái giám trong việc xây dựng tôn tạo các ngôi chùa thờ Phật chiếm số lượng đáng kể.

Qua VBBG, thấy sự đóng góp tiền của các quan thái giám cho làng xã thời Lê Trung hưng là rất lớn. Bên cạnh việc công đức cho việc xây dựng, tu tạo chùa chiền hay các chợ tam bảo các viên quan thái giám còn quan tâm giúp đỡ đặc biệt cho các làng xã xây dựng các ngôi đình, đền thờ thần. Có nhiều vị thái giám đã công đức cho 5 làng xã, mỗi làng xã một ngôi đình lớn. Thậm chí, có vị đã giúp dân xây dựng đình làng còn bỏ tiền mua thêm ruộng, ao, đồ tế khí để hành lễ. Ngoài ra, còn có văn bia ghi việc tạo tượng, đúc chuông, xây dựng bến đò tam bảo, qua nhà chùa đóng góp giúp dân nộp thuế...

Công tích của các hoạn quan, thái giám với làng xã là rất lớn. Tìm hiểu về lệ cấp bổng lộc (Ngụ lộc giám ban, ngụ lộc Tư lễ giám, lộc ruộng sứ thần, lộc ruộng huê dưỡng...), lệ cấp vườn đất, lệ phong tặng cấp tước, lệ tự sự ... của triều đình dưới triều vua Lê Hồng Đức thứ 8 (1467) và triều vua Bảo Thái thứ 1 (1720) thấy rằng bổng lộc của quan lại, đặc biệt là những viên quan có phẩm tước cao rất rất lớn so với mức thu nhập của người dân. Chính vì thế họ mới có điều kiện để đóng góp giúp đỡ làng xã giải quyết những khó khăn về kinh tế.

Trong số đó, hầu hết là các vị võ quan, thị thần ở giai đoạn thế kỷ XVII - XVIII. Họ thường công đức để trùng tu tôn tạo đình, chùa làng và các công trình phúc lợi cộng đồng. Việc các võ tướng, hoạn quan, thái giám thời Lê Trung hưng ở Bắc Giang thường công đức tiền ruộng để trùng tu tôn tạo đình, chùa làng và các công trình phúc lợi cộng đồng khác của làng cũng là thể theo nguyện vọng của cá nhân họ, nhưng vấn đề đáp nghĩa công ơn sinh thành, làm đẹp lòng cha mẹ, ông bà, và nghĩa tình thân thiếp là yếu tố tình cảm, tình thân

để họ đứng ra làm việc lễ nghĩa lưu truyền đến muôn đời. Ngoài việc công đức tiền ruộng, ao vườn, thuế khóa... về cuối đời, một số vị còn lo xây dựng am thờ, lăng mộ cho mình. Về hiện tượng này, có thể được hiểu là, người phương Đông nói chung, người Việt Nam nói riêng, coi việc qua đời của mình chỉ là thay đổi không gian tồn tại. Người còn sống có phương thức tồn tại ở cõi dương, còn người chết có phương thức tồn tại ở cõi âm. Người ở cõi âm vẫn là thành viên của gia đình. Mọi việc lớn nhỏ diễn ra trong gia đình, người ở cõi dương đều phải xin ý kiến người ở cõi âm. Việc các vị võ quan xây am thờ hay từ đường là để tạo cơ sở vật chất để con cháu ở cõi dương có điều kiện hỏi ý kiến của bậc tiền bối sau khi đã từ biệt cõi dương và hoạt động ở cõi âm.

Số lượng tiền, ruộng của các vị võ quan công đức cho làng xã có giá trị tương đối lớn so với mặt bằng đời sống của người dân đương thời, chứng tỏ họ có tiềm lực kinh tế, có uy thế kinh tế và chính trị trong xã hội. Thêm nữa, họ cũng muốn chứng tỏ thể mệnh của mình đối với dân làng với tâm lý “áo gấm về làng” của những người có nguồn gốc nông dân. Hầu hết văn bia có liên quan đến các vị võ quan thời Lê Trung hưng ở Bắc Giang đều do các vị trí thức có học vị, chức tước cao và có mối quan hệ thân thiết với các võ quan soạn văn bia,... Chắc rằng, trong thâm tâm, các võ quan muốn chứng tỏ cho thiên hạ biết rằng: mặc dù là võ quan nhưng họ có mối quan hệ rộng rãi với các bậc trí thức bậc cao đương thời chứ không thuần túy là những người võ biên, mà họ cũng như những văn nhân tài tử khác, họ cũng hiểu được giá trị lịch sử của công trạng, sự nghiệp của họ đối với dân làng, đối với thể hệ mai sau.

Tiểu kết chương 3:

Chương III, luận án đã khảo sát tư liệu để nghiên cứu về quốc danh Việt Nam được phản ánh trong các thư tịch, văn khắc Hán Nôm đã được công bố và đi sâu tìm hiểu 04 VBBG được soạn khắc ở TK XVII, thời Lê Trung hưng có nhắc đến quốc danh Việt Nam. Trong 04 VBBG, cụm từ “Việt Nam” được thể hiện khá rõ như một quốc danh, nhất là khi vận dụng ngữ pháp Hán cổ thấy chức năng của cụm từ này là danh từ và luôn đứng trước danh từ biểu thị, hàm nghĩa tên gọi của xứ, phủ, huyện, xã là các cấp quản lý hành chính dưới triều đình (quốc gia) đã được xác định.

Một số địa danh hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Giang còn tồn nghi trong việc xác định, quy chiếu với địa danh hành chính hiện nay cũng đã được luận án đề cập.

Nội dung được luận án tập trung trong chương này là vấn đề khảo sát 185 văn bia phản ánh về các văn thân, võ tướng, hoạn quan để nghiên cứu và đưa ra những thông tin về họ tên, chức tước, công tích của một số danh nhân lịch sử có ảnh hưởng khá sâu sắc trong đời sống văn hóa tinh thần ở các làng xã tỉnh Bắc Giang. Đặc biệt, chỉ trong khoảng thời gian hai thế kỷ (TK XVII, XVIII) có 134 văn bia khắc ghi công tích của hơn 100 vị võ tướng, hoạn quan có đóng góp tiêu biểu cho các làng xã tỉnh Bắc Giang. Những công tích của các võ tướng, hoạn quan Bắc Giang cho đất nước một phần đã được sử sách ghi công, còn phần đóng góp cũng rất đáng ghi nhận của họ cho quê hương bản quán được các làng xã ghi nhận trên bi ký lưu lại là nguồn sử liệu quý báu, hữu dụng cho việc nghiên cứu về lịch sử địa phương.

Trên cơ sở tìm ra đặc điểm của một số văn bia có liên quan đến một số vị võ quan thời Lê Trung hưng ở Bắc Giang, chúng tôi thấy ở đó đã ít nhiều phản ánh tâm lý và đời sống tâm linh của họ. Cũng trên cơ sở phát hiện đó, chúng tôi cho rằng đây là một trong nhiều cơ sở giúp chúng ta hiểu rõ hơn tư tưởng của một bộ phận quan chức là võ quan và thái độ của họ đối với đời sống tinh thần của xã hội. Chúng tôi cho rằng, đóng góp của các hoạn quan, thái giám với làng xã Bắc Giang là rất lớn lao, nhất là lĩnh vực bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa. Với hướng tiếp cận này sẽ giúp chúng ta tìm thấy ở văn bia về phản ánh về các võ tướng có thêm nhiều thông tin bổ ích và lí thú.

CHƯƠNG 4

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG PHẢN ÁNH QUA VĂN BIA TỈNH BẮC GIANG

Bắc Giang là một miền đất cổ, có địa hình hội đủ các vùng (vùng núi, trung du, đồng bằng, đô thị), đa dân tộc nên trong cộng đồng làng xã có nhiều hình thức sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng. Có ba tôn giáo được thịnh hành ở t. Bắc Giang, đó là: đạo Phật giáo, đạo Nho và đạo Thiên chúa. Hiện chưa phát hiện văn bia phản ánh về Thiên chúa giáo. Văn bia về tôn giáo, tín ngưỡng đồng bào dân tộc thiểu số có số lượng rất ít và mới phát hiện 02 văn bia hậu Thân, do ảnh hưởng nét văn hóa của người Kinh/Việt. Vì vậy, chương này luận án đi sâu khảo sát, tìm hiểu một số giá trị văn hóa truyền thống của cư dân Kinh/ Việt được phản ánh qua VBBG.

4.1 Văn bia góp phần tìm hiểu văn hóa Nho học ở làng xã.

4.1.1 Văn bia phản ánh các thiết chế văn hóa Nho học

Dưới thời phong kiến, nhất là dưới triều đại Lê - Nguyễn, đạo Nho được triều đình và các tầng lớp tri thức đề cao. Nơi thờ Khổng Thánh và các vị tiên hiền là nơi tụ hội sinh hoạt của văn thuộc, hội Tư văn địa phương. Họ là những người có học, từng theo học chữ Thánh hiền để theo đòi cử nghiệp rồi hướng ra giúp đời. Nếu bước đường hoạn lộ chưa đạt họ ở lại quê hương và trở thành trí thức bình dân ở các làng xã. Một số tấm bia văn từ, văn chỉ ở các làng xã đã phản ánh rất rõ những hình thức sinh hoạt của các trí thức địa phương. Ở t. Bắc Giang hiện nay có 22 di tích văn chỉ, văn từ thờ Khổng Tử và các bậc tiên hiền. Trên các di tích, phê tích ấy có 42 văn bia khắc ghi nội dung liên quan đến sinh hoạt Nho giáo. Ngoài ra, ở một số ngôi đình, từ đường dòng họ có truyền thống khoa bảng, hiếu học cũng lưu giữ một số văn bia ghi về những người đỗ đạt ở các kỳ thi Hán học thời phong kiến.

Có 32 văn bia nhắc đến việc xây dựng, tôn tạo nơi thờ văn từ, văn chỉ, nơi tôn thờ đạo Khổng và sinh hoạt Nho giáo. 09 văn bia đề danh người thi đỗ và chỉ có 01 văn bia ghi việc xây dựng trường học. Qua văn bia thấy rằng: Đa số các văn từ, văn chỉ phản ánh sinh hoạt đạo Nho ở Bắc Giang được ra đời từ TK XVII, XVIII, số ít xây dựng ở TK XIX.

4.1.2 Văn bia ghi danh các vị Nho học đỗ đạt

Lịch sử khoa cử nước nhà kéo dài 850 năm, miền đất Bắc Giang có 58 vị đỗ đại khoa, trong đó có 2 Trạng nguyên, 1 Bảng nhãn, 3 Thám hoa, 1 Đình nguyên Tiến sĩ, còn lại 51 vị là Hoàng giáp và Đồng tiến sĩ xuất thân. Ngoài ra còn có hàng trăm người thi đỗ Hương cống, Cử nhân... Trên địa bàn tỉnh từng xuất hiện một số *gia đình khoa bảng* như gia đình họ Thân (làng Yên Ninh, h Việt Yên) có 04 cha con ông cháu đỗ đại khoa; họ Thân làng Phương Đậu (TP. Bắc Giang) có 03 thế hệ cha con ông cháu đỗ Tiến sĩ; họ Đào (Song Khê, TP. Bắc Giang) có 01 vị Trạng nguyên, 02 Tiến sĩ. Thậm chí, làng Yên Ninh (Việt Yên) có 10 vị đỗ khoa, mà Tiến sĩ Thân Nhân Trung là người khai khoa cho truyền thống hiếu học quý báu ấy. Trải qua mấy trăm năm với biết bao thăng trầm của lịch sử bia đá ở quê hương ghi lại sự việc ấy không còn đáng

kể, nhưng chỉ với một vài văn bia hiện còn đã góp phần củng cố niềm tự hào về truyền thống hiếu học của quê hương. Có 09 văn bia ghi danh các vị Nho học, trong đó có 05 văn bia ở văn chỉ làng Thổ Hà. Có địa phương chỉ ghi danh những vị đỗ đại khoa, có địa phương ghi người đỗ trung khoa trở lên (Nho sinh, Hương cống, Cử nhân, Giám sinh), nhưng đa số các địa phương liệt kê danh sách cả những người thi đạt danh vị Sinh đồ, Tú tài, thậm chí cả người chỉ vượt qua tam trường, nhị trường cũng được đề danh tôn vinh.

Việc ghi danh những người đỗ đạt trên văn bia ở làng xã là việc làm rất có ý nghĩa, hữu ích và tác dụng khuyến khích tinh thần hiếu học ở làng xã. Trong khi các tài liệu đăng khoa lục chỉ ghi chép những vị đỗ đại khoa (đỗ kỳ thi Hội, thi Đình) và các vị đỗ trung khoa thời Nguyễn (đỗ kỳ thi Hương), còn lại các vị đỗ trung khoa (Cử nhân, Hương cống) từ Lê Trung hưng về trước và các vị đỗ Sinh đồ, Tú tài... dưới thời phong kiến đều không được ghi lại. Cho nên, tư liệu văn bia góp phần tìm hiểu về các danh nhân bằng và lịch sử khoa cử ở địa phương. Đồng thời, tư liệu văn bia về các danh nhân khoa cử còn bổ sung nhiều thông tin cho chính sử về thân thế, cuộc đời, công tích của các danh nhân khoa cử với đất nước thời phong kiến.

4.2 Văn bia phản ánh về Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử trên đất Bắc

Giang

4.2.1 Phật giáo Bắc Giang thời kỳ mới du nhập

Bắc Giang là miền đất nằm trong không gian văn hóa Kinh Bắc nên đã tiếp nhận sự ảnh hưởng đạo Phật từ rất sớm. Tuy không có tài liệu, thư tịch cụ thể nào nói về đạo Phật chính thức được du nhập vào Bắc Giang khi nào, nhưng qua dấu tích vật chất để lại cùng truyền thuyết dân gian ở địa phương các nhà nghiên cứu đã khẳng định đạo Phật du nhập vào Bắc Giang từ thời Bắc thuộc. Đến thời Lý, Phật giáo ở Bắc Giang đã được phát triển mạnh nên đã có người trở thành đại sư của Phật giáo của cả nước. Điều này hoàn toàn phù hợp với những phát hiện về những dấu vết vật chất còn tìm thấy ở các ngôi chùa lớn, mà nay chỉ còn là những phế tích ở trên các ngọn núi phía Bắc dãy Yên Tử như: chùa Cao (x. Khám Lạng), chùa Nhận Tháp (x. Tiên Nha) h. Lục Nam; chùa Bạch Liên (x. Phụng Sơn) h. Lục Ngạn....

4.2.2 Văn bia phản ánh Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử trên đất Bắc Giang:

Văn bia có nội dung liên quan đến việc xây dựng, tôn tạo các bảo sái thờ Phật có niên đại sớm nhất là văn bia thời Trần phát hiện ở chùa Hang Tràm (Nham Nguyệt tự) ở x. Tân Liễu, h. Yên Dũng mới được phát hiện năm 2000. Văn bia được soạn khắc năm Xương phù thứ 11 (1387). Bài văn bia khắc khi nhiều sự kiện liên quan đến việc khởi dựng, cấu tác, chấn hưng dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử ở một bảo sái thờ Phật thời kỳ giữa và cuối thế kỷ XIV. Vì bị chôn vùi nhiều thế kỷ dưới lòng đất nên lòng văn bị mờ mòn nhiều chữ không khôi phục được trọn vẹn nội dung. Nhưng với những chữ còn lại, văn bia cho biết nội dung đại lược về quá trình khởi dựng, tôn tạo chùa Hang Tràm gắn với sự tu trì của các Đại thiên sư Phật phái Trúc Lâm ở chốn rừng lâm trên dãy Nham Biền ở nửa sau thế kỷ XIV. Văn bia khắc trên bài vị tạo tác ở nửa đầu thế kỷ XIV, phát hiện ở ngôi tháp đá cổ thuộc phế tích chùa Sơn Tháp (dân trong vùng gọi là chùa Hòn Tháp thuộc x. Cẩm Lý, h. Lục Nam) có nội dung như sau: "*Huyền cơ thiện thọ Pháp Vân Hòa thượng vị*" (Nghĩa là: Bài vị Hòa thượng có hiệu đạo là Huyền Cơ Thiện Thọ Pháp Vân).

Ở chùa Am Vãi (Âm Ni tự) được xây dựng từ thời Trần, trên vườn chùa còn ngôi tháp đá cổ thời Trần “*Liên Hoa bảo tháp*” (Tháp báu Liên Hoa). Trong lòng tháp có tấm bia bài vị tuy đã bị phong hóa nhưng vẫn khôi phục được đủ nội dung: “*Trúc Lâm viên tịch Ma ha bất thương Tỳ khưu Như Liên hóa thân Bồ tát cần vị*” (Nghĩa là: Vị thiền sư là Ma ha bất thương Tỳ khưu Như Liên hóa thân làm Bồ tát được viên tịch về tổ Trúc Lâm). Văn bia *Bắc Giang Bái thôn Thiệu Phúc tự* của Lê Quát cũng là tư liệu phản ánh về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử ở thời kỳ được chấn hưng mạnh mẽ, nhưng cũng qua văn bia phân nào thấy được tư tưởng Nho giáo đã len lỏi dần chiếm địa vị độc tôn của Phật giáo trong đời sống xã hội.

Chùa Khám Lạng (x. Khám Lạng, h. Lục Nam) là một đại danh lam cổ tự, được khởi dựng từ thời Trần, nơi ghi dấu Tam tổ Trúc Lâm. Chùa còn lưu một hương án đá, trên đó có khắc văn tự khắc ở đầu hồi hương án hai dòng chữ Hán có nội dung: “*Năm Nhâm Tí, niên hiệu Thuận Thiên thứ 5 (1432), ông Lưu Cầu, làm quan Hạ phẩm ở xã Khám Lạng cùng vợ là Đỗ Xú công đức*”. Trên bệ tượng Tam thế Phật Di Đà (Phật quá khứ) khắc nội dung: “*Ngày mồng 7, tháng Hai năm Hồng Đức thứ 25 (1494). Tín chủ là Lưu Thị Luận đứng ra tạo tượng Phật Tam tôn. Bà có tên hiệu là Thiện Duyên cúng 03 quan, ...; ông Thuận Tâm cúng 01 quan; ông Chánh Niệm cùng bà...; bà Từ Tín, ông Ngụ cùng bà Hữu Phúc cúng 01quan; ông Nguyễn Tâm cùng bà cúng 05 tiền; (ông) Trần Xứng cúng 01 chiếc áo; bà Nguyễn Thị cúng 01chiếc áo; bà Nguyễn Thị Đoan cúng 01 chiếc áo. Ông Phú Sơn ở xã Chỉ Tác, huyện Lục Ngạn cùng bà cúng 01 chiếc áo; bà Nguyễn Thị Giám ở xã Đông Lạc cúng tiền 05 mạch*”. Như vậy, dù văn bia không trực tiếp nhắc đến việc xây dựng mở mang chùa Khám Lạng, nhưng với việc các tín thí hưng công đóng góp tạo hương án và bộ chân tảng, các bệ tượng đá uy nghi, đường nét chạm khắc cầu kỳ, tinh tế ...cho thấy chùa có quy mô rất lớn và nhận được rất nhiều sự đóng góp của sãi, vãi, Phật tử. Hai văn bản khắc trên hiện vật đá chùa Khám Lạng chưa đủ cứ liệu để nghiên cứu Phật giáo Bắc Giang thời Lê sơ nhưng nó đã cung cấp lượng thông tin quý cho ta biết Phật phái Trúc Lâm thời kỳ này vẫn ảnh hưởng sâu sắc ở các làng xã Bắc Giang. Các ngôi bảo sãi thờ Phật vẫn được làng xã quan tâm, tu tạo.

Chùa Vĩnh Nghiêm hiện còn 8 văn bia phản ánh về lịch sử hình thành, quá trình trùng tu tu tạo, tô tượng, đúc chuông ở chôn tổ Vĩnh Nghiêm, một trong những chôn tổ của Phật phái Trúc Lâm Yên Tử. Đó là văn bia *Chức thánh Vĩnh Nghiêm tự* bị khắc dựng cuối triều nhà Mạc, ghi việc Đà Quốc công Mạc Ngọc Liên và Công chúa Thành công đức góp sức trùng tu chùa; Văn bia *Trùng tu Vĩnh Nghiêm tự* bị khắc ghi việc trùng tu tòa Thượng điện, thiêu hương, tiền đường, hậu đường những năm đầu thế kỷ XVII. Năm 1932, sau gần chục năm đứng ra hưng công đại trùng tu tôn tạo chùa Vĩnh Nghiêm, công việc hoàn thành, Hòa thượng Thích Thanh Hanh đã soạn khắc tấm bia *Đức La xã Vĩnh Nghiêm tự sáng tạo lịch đại tu tạo công đức* bị ký ghi lại toàn bộ lịch sử hình thành, trùng tu tôn tạo, sự đóng góp công đức của thập phương với chùa Vĩnh Nghiêm qua các thời kỳ lịch sử. Trong đó, có nội dung quan trọng kể về lai lịch ba vị tổ Trúc Lâm: Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, Pháp Loa tôn giả Đồng Kiên Cương và Thiền sư Huyền Quang Lý Đạo Tái.

Tuy số lượng không nhiều nhưng những văn bia còn lại đã giúp người đời sau biết được các ngôi chùa thuộc Thiền phái Trúc Lâm được mở mang, phát triển hầu khắp các nơi có non cao cảnh đẹp ở vùng Na Ngạn xưa (nay thuộc phần đất Lục Ngạn, Lục Nam và một phần h. Yên Dũng). Tuy ít ỏi nhưng văn bia thời Trần còn lại trên đất Bắc Giang đã góp phần giúp người đời phác thảo được diện mạo Phật phái Trúc Lâm ở thế kỷ XIV. Văn bia chùa Hang Trám và chùa Vĩnh Nghiêm đã cho thấy khá rõ sự suy vi của Phật phái Trúc Lâm ở đầu thế kỷ XV và sự chấn hưng mạnh mẽ ở thời kỳ giữa và nửa sau thế kỷ này.

4.3 Văn bia phản ánh phong tục tập quán ở làng xã.

4.3.1 Văn bia phản ánh tín ngưỡng thờ Thành hoàng.

Hiện nay, ở t. Bắc Giang và kho lưu trữ VNCHN có 546 văn bia đình, trong đó phần nhiều là bia hậu Thần, bia gửi gỗ, bia ghi sự lệ ở làng xã và một số văn bia ghi nội dung liên quan đến việc thờ cúng Thành hoàng. Văn bia có nội dung liên quan đến tín ngưỡng thờ Thành hoàng lưu lại ở hai dạng thể cơ bản, đó là văn bia khắc ghi thần tích (còn gọi là thánh tích, ngọc phả, thần phả), văn bia khắc ghi việc tôn lập Thành hoàng và sự lệ thờ cúng Thành hoàng. Ngoài ra còn có văn bia liên quan như: văn bia ghi sự lệ thờ cúng Hậu thần phối hưởng cùng Thành hoàng, văn bia ghi lệ hát cửa đình (tức hát thờ Thành hoàng).

Văn bia ghi thần tích và sự lệ thờ cúng Thành hoàng thường được khắc trên những tấm hậu Thần ở các làng xã. Những vị Thành hoàng được khắc trên văn bia là những vị Phúc thần, vì có công lao rất đặc biệt mới được làng xã tôn vinh, tri ân bầu làm Thành hoàng, tiêu biểu như: *Khánh Quận công Hà Công Dung* là người được thờ làm Thành hoàng ở 3 ngôi đình thuộc h. Yên Dũng xưa; *Thuận Quận công La Doan Trục*, chủ nhân được an táng tại lăng Đình Hương (x. Đức Thắng, h. Hiệp Hòa) cũng được nhiều làng xã thờ làm Thành hoàng.

Văn bia khắc ghi thần tích các vị Thành hoàng có niên đại tạo tác muộn, mới thấy xuất hiện văn bia thời Nguyễn (cuối TK XIX, XX). Đến nay chúng tôi đã phát hiện và sưu tầm được 08 văn bia Thần tích ghi chép về các vị Thành hoàng được tôn thờ ở t. Bắc Giang, trong có 05 văn bia ở h. Việt Yên, 02 văn bia ở h. Hiệp Hòa và 01 ở TP. Bắc Giang, chỉ có 03/08 văn bia đã làm thác bản lưu tại VNCHN.

Như vậy, xét về niên đại, bia thần tích xuất hiện sớm nhất vào năm Tự Đức thứ 8 (1855). Đó cũng là cứ liệu góp phần xác định sự ra đời của thể loại thần tích mà đã được một số nhà nghiên cứu xác định chỉ xuất hiện từ thời Tự Đức (1848 - 1886), trước đó chưa có nhưng đã được các soạn giả mượn danh người đời trước biên soạn.

Tuy văn bia khắc ghi thần tích, sự lệ thờ phụng Thành hoàng ở Bắc Giang không nhiều nhưng khối tư liệu Hán Nôm cổ này cũng góp phần tìm hiểu sâu sắc hơn về tín ngưỡng thờ Thành hoàng, một nét văn hóa truyền thống độc đáo mang đậm bản sắc văn hóa ở các làng xã Việt Nam mà đến nay vẫn được duy trì.

4.3.2 Văn bia phản ánh tục lệ “xướng ca” ở đình làng xã.

Xưa, hầu hết các đình làng đều tổ chức “xướng ca”, tức hát cửa đình trong ngày hội hay sự lệ, nhưng chỉ có số ít làng xã khắc ghi quy định trên văn bia. Đến nay, chúng tôi mới thấy có 22 VBBG đề cập đến lệ “xướng ca”. Lệ này

chỉ được khắc ghi trên văn bia đình làng, trong đó lại chủ yếu thấy trên bia hậu Thần. Trong văn bia, sự lệ xướng ca được quy định rất nghiêm túc vì sau các điều khoản ước về việc tuân thủ, duy trì tục lệ thường kèm theo lời nguyện “trong xã thôn nếu có người nào làm trái hoặc phế bỏ điều ước kính mong Hoàng thiên soi chiếu chu diệt”.

Trong số 22 văn bia đề cập đến lệ xướng ca, chỉ có 01 văn bia ghi rõ quy định về thể lệ hát và đôi lệ hát ca trù, đó là văn bia vô đề (Ghi việc đôi lệ hát ca trù) ở đình Thổ Hà được khắc dựng năm Chính Hòa thứ 14 (1693). Còn 21 văn bia khác nhắc đến có lệ “xướng ca” mà không rõ hát xướng thể loại gì. Lạc khoản cho biết niên đại những văn bia cho thấy đều xuất hiện ở thế kỷ XVII - XVIII, chưa thấy văn bia ghi lệ “xướng ca” dưới thời Nguyễn. Trong văn hóa truyền thống, các làng xã Bắc Giang có nhiều hình thức sinh hoạt văn nghệ dân gian theo các phường, bọn của các môn loại như: Tuồng, chèo, quan họ... nhưng hầu hết văn bia không ghi cụ thể các môn loại nghệ thuật đó, nên chúng tôi cho rằng lệ “xướng ca” có thể có những môn loại ca xướng khác nhau tùy ở mỗi địa phương.

4.3.3 Văn bia phản ánh nghi lễ, lệ làng.

Liên quan đến nội dung sinh hoạt làng xã có khá nhiều văn bia ghi tiết lệ, khoản ước, phẩm vật cho việc phụng thờ ở các nơi thờ tự như đình, chùa, nghề, miếu, từ chỉ, từ vũ... Đó là những phong tục, tập quán được lưu truyền từ lâu đời có ý nghĩa giáo dục rất sâu sắc.

Từ khoản ước trên văn bia, nét sinh hoạt tín ngưỡng, lễ hội ở các miền quê được tái hiện... đó là những tư liệu quý để tìm hiểu phong tục tập quán truyền thống ở mỗi miền quê Bắc Giang đương thời.

Các tiết lệ, khoản ước, phẩm vật cho việc phụng thờ ở các nơi thờ tự như đình, chùa, nghề, miếu, từ chỉ, từ vũ... là những phong tục, tập quán được lưu truyền từ lâu đời có ý nghĩa giáo dục rất sâu sắc. Nhưng để thực hiện những điều trong khoản ước thì rất tốn kém, ảnh hưởng nhiều tới đời sống kinh tế của nhân dân. Trong hoàn cảnh xã hội hiện nay, nhà nước đã giao ruộng đất tới từng hộ gia đình, ruộng đất thờ tự không còn, hoa lợi không có thì việc thực hiện khoản ước rất hạn chế, nhiều địa phương đã bỏ dần khoản ước cũ hoặc có duy trì thì rất chọn lọc.

4.4 Văn bia phản ánh văn hóa thương mại cổ truyền

Có 10 VBBG phản ánh về văn hóa thương mại được khắc dựng ở chợ, quán. Trong đó có 08 văn bia chợ chùa; 01 bia chợ vùng do sự hưng công khai mở của cá nhân và tập thể làng xã; 01 văn bia đình nhưng khắc ghi nội dung về chợ chùa. Những văn bia này đều ghi chép thông tin liên quan đến việc mở chợ, quy định thời gian họp chợ, thuế chợ ở TK XVII, XVIII.

Bia chợ phân bố ở địa bàn 5 huyện (TP. Bắc Giang, Hiệp Hòa, Lạng Giang, h. Lục Nam và Việt Yên), trong đó có 05 văn bia ở h. Việt Yên, Hiệp Hòa (02 bia), còn lại mỗi huyện chỉ có 01 văn bia. Hầu hết (07 chợ) nằm cạnh bên bờ của ba con sông lớn. Bia chợ được tạo tác sớm nhất là bia chợ Tam bảo chùa Thổ Hà, h. Việt Yên (1653), muộn nhất là bia chợ x. Dương Quan, tg. Mỹ Thái, ph. Lạng Giang (nay x. Dương Đức, h. Lạng Giang), tạo năm Long Đức 2 (1733).

Có 02 bia ghi chép về quán, đó là quán chợ th. Lan Khê (th. Chấn Làng, x. Yên Sơn, h. Lục Nam ngày nay) dựng năm Vĩnh Thịnh 15 (1719) và bia quán

chợ th. Chợ, x. Lương Phong, h. Hiệp Hòa tạo năm Vĩnh Thịnh 12 (1716). Qua văn bia được biết quán và chợ luôn đi liền nhau. Nếu chợ đơn thuần thì chỉ là nơi mọi người đến họp để mua bán, trao đổi hàng hóa. Còn chợ được xây cất cẩn thận hơn phải có các dãy quán, tức là những ngôi nhà có mái lợp che nắng mưa cho người đến chợ. Bia chợ thường xuất hiện ở các làng xã “cận thị cận giang”, nơi có làng nghề thủ công diễn ra sinh hoạt bán mua sầm uất. Qua văn bia chợ, ta thấy được hình bóng một số nghề thủ công xứ Bắc, các sản vật đặc hữu địa phương.

Tiêu kết chương IV:

Chương IV luận án đã đề cập đến một số giá trị văn hóa truyền thống được phản ánh qua VBBG. Đó là bốn vấn đề liên quan đến các sinh hoạt văn hóa, hoạt động giao thương ở cộng đồng làng xã thời trung đại mà chúng tôi cho rằng có những nét đặc thù của khối tư liệu VBBG so với các địa phương khác.

Với tổng số lượng 22 di tích (văn chỉ, văn từ, từ đường dòng họ khoa bảng) phản ánh các thiết chế văn hóa Nho học trên địa bàn cho thấy tiền nhân Bắc Giang rất quan tâm tới việc học hành, và biểu thị sự tôn kính, quý chuộng học vấn, coi trọng đạo Nho.

Trên khối tư liệu 42 văn bia, trong đó 32 văn bia khắc ghi việc xây dựng, mở mang, tu tạo nơi thờ tự Khổng thánh, các bậc tiên hiền và 01 văn bia ghi việc xây dựng trường học (thực xá) luận án đã lược giới thiệu nội dung một số văn bia để giúp độc giả phần nào hình dung được diện mạo các thiết chế, cũng như sinh hoạt văn hóa Nho học trên đất Bắc Giang dưới thời phong kiến. Qua nội dung 09 văn bia đề danh những người đỗ đạt thấy xuất hiện một số gia đình, dòng họ, địa phương có truyền thống hiếu học, khoa bảng có ý nghĩa khích lệ, động viên rất hữu ích đối với thế hệ hôm nay và mai sau cũng được luận án đề cập.

Miền đất phía Tây Yên Tử thuộc địa phận Bắc Giang có cả một hệ thống chùa chiền, thời Trần (TK XIII, XIV) và từng được xem như vệ tinh kề cận Kinh đô Phật phái Trúc Lâm Yên Tử. Lịch sử văn hóa, tư tưởng, giáo lý của Thiền phái Trúc Lâm đang được giới nghiên cứu khoa học xã hội quan tâm tìm hiểu. Tuy số lượng văn bia chùa chiền thời Trần ở sườn Tây Yên Tử được luận án khai thác, trích dẫn không nhiều, nhưng đó là những tư liệu có độ xác tín cao có thể dùng làm tài liệu cơ bản khi tìm hiểu về các Thiền sư, hay quá trình hình thành, suy vi, phát triển của thiền phái Trúc lâm Yên Tử trong lịch sử.

Nội dung VBBG phản ánh về phong tục tập quán ở các làng xã rất phong phú, đa dạng nhưng nhóm văn bia phản ánh về tín ngưỡng thờ Thành hoàng, tục lệ “xướng ca”, các nghi lễ, lệ làng được chọn để trình bày trong luận án. Tín ngưỡng thờ Thành hoàng nay vẫn được duy trì và bảo tồn, nhưng tục lệ “xướng ca”, và hệ thống nghi lễ, lệ làng đến nay bị mai một nhiều. Rất tiếc, những nét văn hóa mang đậm bản sắc văn hóa người Kinh/Việt trên quê hương Bắc Giang nay không được duy trì trọn vẹn.

Xướng ca là hình thức hát ở chốn đình trung, nhưng mỗi làng xã lại có những hình thức, thể loại khác nhau...nhưng nhóm văn bia khắc ghi lệ “xướng ca” không phản ánh cụ thể nên để lại sự tồn nghi, chưa có lời giải về thể loại nghệ thuật (chèo, tuồng, quan họ hay ca trù) được hát xướng nơi cửa đình mà người xưa quy định thành tục lệ.

Nhóm văn bia đề cập đến chợ, quán có thể xếp vào nội dung phản ánh kinh tế thương mại, mậu dịch, nhưng ở đây chúng tôi đã nhìn nhận văn bia chợ ở khía cạnh văn hóa thương mại cổ truyền, trong đó có yếu tố kinh tế. Nội dung văn bia cho thấy cơ bản là bia chợ ở Bắc Giang xưa là chợ Tam bảo (tức chợ chùa), chợ do làng xã hoặc nhà chùa mở ra nhưng hầu hết chọn địa điểm cạnh chùa. Hầu hết các chợ được mở ra nằm ở nơi đắc địa “cận giang, cận lộ” và các làng nghề thủ công có nhu cầu trao đổi hàng hóa. Mặc dù chỉ có 10 văn bia, nhưng đã phản ánh được diện mạo mạng lưới chợ làng, sự phát triển kinh tế làng xã và những nét văn hóa chợ mang đặc trưng xứ Bắc.

KẾT LUẬN

1. VBBG có số lượng 1452 đơn vị văn bia, và được xem như địa phương có khối tư liệu văn bia khá lớn so với các địa phương khác trong cả nước. Thác bản VBBG phần lớn được lưu trữ ở VNCHN (1278 đơn vị thác bản) và một số ít được sưu tập ở cơ quan chuyên ngành địa phương. Số lượng văn bia hiện vật trên thực địa có số lượng 1296 văn bia, nhiều hơn số lượng thác bản được E.F.E.O sưu tầm trước cách mạng tháng Tám và VNCHN sưu tầm những năm gần đây. Điều đó chứng tỏ ý thức bảo tồn di sản văn bia ở các làng xã Bắc Giang tương đối tốt. Qua số lượng văn bia hiện vật, cho thấy, sưu tập thác bản VBBG vẫn chưa đầy đủ, cần tiếp tục được quan tâm sưu tầm, bổ sung trong thời gian tới.

2. VBBG phân bố ở hầu khắp các huyện, TP nhưng có sự chênh lệch rất lớn giữa các địa vùng miền trong tỉnh. Đa số văn bia có niên đại sớm, mật độ cao tập trung ở các huyện, TP có bề dày lịch sử văn hóa, kết cấu tổ chức làng xã bền vững, thiết chế văn hóa phục vụ cộng đồng đã hoàn thiện. Đó là những miền đất giàu truyền thống hiếu học và tiềm năng về kinh tế như: Hiệp Hòa, Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang, Lục Nam. Ngược lại những huyện như: Sơn Động, Lục Ngạn, Yên Thế là những miền đất mới được khai phá, vốn là miền núi cao, vùng định cư của đồng bào dân tộc thiểu số có ít cư dân Việt/Kinh sinh sống nên có số lượng văn bia ít, mật độ thưa thớt, niên đại muộn. Theo tuyến thời gian triều đại, đa số văn bia được tạo tác thời Lê Trung hưng và thời Nguyễn (thế kỷ XVII - XX). Văn bia thời Trần, Lê Sơ, Mạc có số lượng không nhiều. Văn bia thời Lê Trung hưng có số lượng nhiều nhất (539/1278 = 42,7%), tiếp đến văn bia thời Nguyễn có số lượng 488/1278 (38%), thời Tây Sơn có 32/1278 (2,5%). VBBG phần nhiều là bia chùa, bia đình, hai công trình kiến trúc phục vụ sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng phổ biến của cộng đồng làng xã trên địa bàn. Các loại di tích khác như: văn chỉ, từ chỉ, từ vũ, cầu, chợ, đền, miếu...có số lượng ít hơn. Trong số văn bia đình, chùa thì bia hậu Thần, hậu Phật, gửi gắm chiếm ưu thế; bia thực lục, lịch sử, sự tích có số lượng rất khiêm tốn.

3. VBBG phong phú về số lượng, đa dạng về loại hình đã được giới khoa học chuyên ngành quan tâm nghiên cứu nhưng mới mới dừng lại ở mức độ khai thác, sử dụng đơn lẻ VBBG trong các đề tài nghiên cứu ở từng khía cạnh mà chưa có tác giả nào tiến hành tổng hợp, định lượng để nghiên cứu tổng thể VBBG. Mặc dù chưa giải quyết thấu đáo, nhưng NCS là người đi tiên phong

đề cập đến những vấn đề này. Qua kết quả nghiên cứu của luận án, lần đầu tiên VBBG được tập hợp, thống kê, định lượng và nghiên cứu toàn diện và được phân loại, tổng hợp, đánh giá, xác định tình hình phân bố, phân loại theo các tiêu chí khoa học chuyên ngành. Luận án cũng đóng góp mới về việc nghiên cứu xác định đặc điểm hình thức, nội dung VBBG trên cơ sở nghiên cứu tổng thể khối tư liệu này.

4. VBBG có những đặc điểm chung về thể loại, thể hình so với văn bia cả nước, nhưng nó cũng mang những nét đặc thù của bia đá/văn bia xứ Bắc nói chung, Bắc Giang nói riêng. Sự xuất hiện của bia trụ tròn dáng chuông, bia gỗ là nét riêng về thể hình so với các địa phương khác. Thêm nữa, một số VBBG được chạm khắc, trang trí cầu kì, tinh tế với những đồ án hoa văn đặc sắc đã trở thành tác phẩm điêu khắc đá nghệ thuật điển hình.

5. Hầu hết văn bia trên địa bàn t. Bắc Giang do các làng xã, nhà sư trụ trì các ngôi chùa, các hội Tư văn, dòng họ ở các tổng, xã đứng ra khắc dựng, hiện chưa phát hiện văn bia do triều đình hay chính quyền các cấp phủ, huyện chỉ đạo thực hiện việc này. Hầu hết VBBG khắc chữ Hán hay chữ Hán xen chữ Nôm và chỉ có 03 văn bia chữ Nôm. Lệ kỵ húy cũng được thực hiện tương đối triệt để trên VBBG, nhất là dưới triều Mạc và Lê Trung hưng.

6. Có 251/1278 văn bia ghi tên người soạn văn (20%), có bia ghi đầy đủ chức tước, họ tên, quê quán... nhưng có khi chỉ ghi họ, hoặc tên chức tước, có khi chỉ ghi riêng họ tên, có khi chỉ ghi tước và quê quán. Các nhà khoa bảng chiếm tỷ lệ cao nhất trong các thành phần tham gia biên soạn VBBG. Các Sinh đồ, Giám sinh, Hiệu sinh được xem như các trí thức ở các vùng quê, họ chưa thành đạt ở trường thi để bước vào hoạn lộ nên ở lại chốn quê làm nghề dạy học, hay tiếp tục đèn sách chờ dịp thi thố với đời. Họ là những người được nể trọng tin tưởng và được nhờ soạn văn bia cho làng xã. Một số nhà sư có học thức rộng nhưng không đặt chí vào nghiệp khoa cử mà ẩn danh nơi tịnh xá, khi có sự kiện lớn xảy ra ở chốn thiền lâm hay làng xã cần khắc bia lưu niệm họ thường được nhân dân sở tại ủy thác trọng trách này.

7. Nội dung VBBG về cơ bản mang những đặc điểm chung của văn bia Việt Nam, nhưng cũng có những nét riêng so với văn bia các địa phương khác. Một số nội dung tương đối khác biệt được chúng tôi đã khai thác đưa vào luận án, đó là: Văn bia phản ánh về cuộc đời, sự nghiệp, công tích các võ tướng, hoạn quan (nhất là các viên quan thái giám) với các làng xã dưới thời phong kiến; Văn bia phản ánh về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử; Văn bia phản ánh về phong tục, tập quán tiêu biểu ở miền đất Bắc Giang. Có thể nói, đa số các võ tướng, hoạn quan có nhiều công tích với quê hương đất nước nhưng không được chính sử nhắc đến. Thông tin tư liệu về cuộc đời, công tích của họ trong khối tư liệu văn bia là nguồn sử liệu chân xác để bổ khuyết cho lịch sử. Đặc biệt, đó là nguồn tư liệu địa chí quan trọng để các nhà khoa học tiếp cận, khai thác, sử dụng khi tìm hiểu, nghiên cứu về các danh nhân lịch sử địa phương.

8. Bắc Giang từng là vệ tinh kề cận kinh đô Phật giáo thời Trần, cho nên nhóm văn bia phản ánh về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử trên đất Bắc Giang tuy ít nhưng cũng là nguồn tư liệu đáng trân trọng để khai thác tìm hiểu về dòng Thiền có giáo lý mang đậm bản sắc văn hóa Việt mà nhiều nhà khoa học đang đề tâm nghiên cứu. Cộng đồng các làng xã Bắc Giang có nhiều nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa truyền thống. Những nét đẹp của văn hóa truyền thống

được ghi trong văn bia phản ánh về tín ngưỡng thờ Thành hoàng, tục lệ “xướng ca”, các nghi lễ, lệ làng đề tri ân người có công, đó cũng là đạo lý giàu ý nghĩa nhân văn của dân tộc Việt Nam cần được kế thừa và phát huy trong thời kỳ mới.

9. Với tổng số 1452 văn bia, trong đó: 1296 văn bia hiện vật, 1278 văn bia đã được sưu tầm làm thác bản đưa vào thư mục tại kho thác bản VNCHN, qua quá trình công tác, nghiên cứu và thực hiện luận án chúng tôi đã phiên âm, dịch nghĩa được hơn 330 đơn vị văn bia làm tư liệu dẫn nguồn và đưa vào luận án 30 bản dịch văn bia đại diện phù hợp với những vấn đề khoa học được trình bày trong luận án.

10. Hướng mở của luận án: Đề tài chúng tôi đặt ra có nội hàm rõ ràng, nhưng rất rộng, bao trùm toàn bộ khối tư liệu VBBG, nhưng vì dung lượng luận án hạn chế theo quy định, nên chúng tôi chưa đề cập sâu sắc một số nội dung VBBG. Vì vậy, trong tương lai chúng tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu những nội dung còn bỏ ngỏ, chưa đề cập tới. Việc sửa chữa, hiệu chỉnh, bổ sung nội dung và biên tập đề xuất bản, giới thiệu tập sách chuyên khảo về VBBG cũng được chúng tôi đề tâm đưa vào kế hoạch thực hiện sau khi nhận được ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp học viện.

Trong quá trình thực hiện luận án, một số nhận định, nhận xét, đánh giá của NCS có sự kế thừa của các tác giả đi trước nhưng cơ bản là những kết quả nghiên cứu của cá nhân nên khó tránh khỏi sự phiến diện, thiếu sót, khiên cưỡng, NCS rất mong nhận được sự chỉ dẫn, góp ý của các thành viên Hội đồng và đồng nghiệp.

Luận án khép lại ở đây, NCS cũng rất mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ và cộng tác của các chuyên gia chuyên ngành Hán Nôm và các chuyên ngành liên quan trọng việc nghiên cứu văn bia và các di sản Hán Nôm khác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong tương lai./.